**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN HÓA HỌC LỚP 11- NĂM HỌC 2024 - 2025**

**Tiết PPCT ( lớp 11C1- 11C3: tiết 75; 11C4 – 11C10: tiết 54)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

1. Hydrocarbon không no

2. Arene (hydrocarbon thơm)

3. Dẫn xuất halogen

4. Alcohol

**2. Năng lực.**

- Rèn luyện kĩ năng quan sát, dự đoán tính chất dựa vào công thức hoá học.

- Viết được công thức cấu tạo, đọc tên các chất. Viết được PTPU thể hiện tính chất hoá học của các chất: alkane, alkene, alkyne, Alcohol.

- Giải các bài tập liên quan.

- Giải thích được các hiện tượng thực tế liên quan đến các hợp chất hữu cơ

Năng lực tính toán cơ bản:

- năng lực tư duy

- năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

-Năng lực làm việc cá nhân

**3. Phẩm chất**

-Xây dựng lòng tin và tính quyết đoán của HS khi giải quyết vấn đề

-Rèn luyện tính cẩn thận, nghiêm túc trong khoa học

**II. HÌNH THỨC RA ĐỀ KIỂM TRA**:

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).*

**a) Khung ma trận**

**- Thời gian làm bài:** *50 phút = 40 lệnh hỏi*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm trả lời ngắn (TN), đúng sai (ĐS), trả lời ngắn (TLN) và tự luận*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40 % Nhận biết; 30 % Thông hiểu; 30% Vận dụng.*

- Phần trắc nghiệm: 3,0 điểm, (gồm 12 câu hỏi (12 lệnh hỏi): *mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần đúng sai : 2,0 điểm(Gồm 2 câu hỏi /8 lệnh hỏi): *TB mỗi ý hỏi 0,25* điểm (một ý đúng 0,1đ, 2 ý đúng 0,25đ, 3 ý đúng 0,5đ, 4 ý đúng 1,0đ)

*-* Phần trả lời ngắn: 2,0 điểm (4 câu / 4 lệnh hỏi)  *mỗi câu 0,5 điểm.*

*- Tự luận 3 điểm: (3 câu: 6 lệnh hỏi)*

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**Khung ma trận đề kiểm tra**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **THÀNH PHẦN CỦA NĂNG LỰC HOÁ HỌC** |  | **Dạng câu hỏi** | **Tổng điểm** |
| **Nhận thức hoá học** | **Tìm hiểu TGTN dưới góc độ hoá học** | **Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học** | **Dạng I** | **Dạng II** | **Dạng III** | **Dạng IV (tự luận)** |
| ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng*** |  |  |  |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (7) | (8) | (11) | (12) | (13) | (14) |  | **(15)** |
| Chương 4. Hydrocarbon (7 tiết) | *1. Hydrocarbon không no (4 tiết)* | **I.1 HH1.1****I.2 HH1.1****I.3 HH1.1****I.6 HH1.1** | **I.4 HH1.2****I.8 HH1.3****III. 1 HH1.3****IV.1c HH1.2****IV.1d HH1.2** |  |  | **III.2 HH2.4** |  | 64B,2H |  | 21H, 1VD | 2H | **3** |
| *2. Arene* (Hydrocarbon thơm) *(3 tiết)* | **I.9 HH1.1****I.10. HH1.1****III.3 HH1.1** | **IV.1aHH1.2** |  |  | **I.11 HH2.2****IV.2 HH2.2** |  | 32B,1VD |  | 1B | 21H,1VD | **2,5** |
| **Chương 5. Dẫn xuất Halogen – Alcohol - Phenol****(6 tiết)** | *1.* Dẫn xuất Halogen *(2 tiết)* | **I.12 HH1.1****II. 1a HH1.1****II.1b HH1.1** | **II.1c HH1.2****IV.1b HH1.2** |  |  | **II.1d HH2.4** |  | 1B | 42B, 1H, 1VD |  | 1VD | **1,5** |
| *2.* Alcohol *(4 tiết)* | **I.5. HH1.1****II.2a HH1.1****II.2c HH1.1****III.4 HH1.1** | **I.7 HH1.2****II.2b HH1.2** | **II.2d HH1.1****IV.3 HH1.3** |  |  |  | 21B,1H | 42B, 1H, 1VD | 1B | 1VD | **3** |
| **Tổng lệnh hỏi** | 14 | 9 | 2 | 0 | 4 |  | 12 | 8 | 4 | 6 | **30** |
| **Tổng điểm** | 4 | 2.75 | 2,75 | 0 | 2 |  | 3 | 2 | 2 | 3 | **10** |
| Tỉ lệ % | 80% | 20% |  | 30% | 20% | 20% | 30% |  |
| Tổng hợp | **Nhận biết: 40%, Thông hiểu: 30%, Vận dụng: 30%** |  |  | **100** |

Giải thích: I.1HH1.1 : Phần I, câu 1, tiêu chí 1, chỉ báo 1

 II.1aHH2.1 : Phần II, câu 1, ý a, tiêu chí 2, chỉ báo 1.

 III.1HH3.1 : Phần III, câu 1, tiêu chí 3, chỉ báo 1

**b) Bản đặc tả đề kiểm tra cuối HKI lớp 11**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức/ chỉ báo năng lực** | **Số câu hỏi/ số ý theo mức độ nhận thức** |
| Dạng 1**(TN)** | Dạng 2**(đúng/sai)** | Dạng 3**(trả lời ngắn)** | **Dạng 4 (tự luận)** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |  |
|  | Chương 4. Hydrocarbon (7 tiết) | *1. Hydrocarbon không no (4 tiết)* | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm về alkene và alkyne, **(HH1.1)**- Nêu được công thức chung của alkene; **(HH1.1)**- Nêu được đặc điểm liên kết, hình dạng phân tử của ethylene và acetylene. **(HH1.1)**– Nêu được khái niệm đồng phân hình học (cis, trans) **(HH1.1)**- Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí (nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, tỉ khối, khả năng hoà tan trong nước) của một số alkene, alkyne. **(HH1.1)****Thông hiểu:**- \*Nêu được đặc điểm liên kết, hình dạng phân tử của ethylene và acetylene. **(HH1.1)**- Gọi được tên một số alkene, alkyne đơn giản (C2 – C5), tên thông thường một vài alkene, alkyne thường gặp. **(HH1.3)**- Trình bày được các tính chất hoá học của alkene, alkyne: Phản ứng cộng hydrogen, cộng halogen (bromine); cộng hydrogen halide (HBr) và cộng nước; quy tắc Markovnikov; Phản ứng trùng hợp của alkene; Phản ứng của alk–1–yne với dung dịch AgNO3 trong NH3; Phản ứng oxi hoá (phản ứng làm mất màu thuốc tím của alkene, phản ứng cháy của alkene, alkyne). **(HH1.2)****Vận dụng:**– Thực hiện được thí nghiệm điều chế và thử tính chất của ethylene và acetylene (phản ứng cháy, phản ứng với nước bromine, phản ứng làm mất màu thuốc tím); mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hoá học của alkene, alkyne. **(HH2.4)** | 6C1,2,3,6[B],C4,8[H], |  | 2C1[H]C2[VD] | C1(2)c,d[H] |
|  |  | *2. Arene* (Hydrocarbon thơm) *(3 tiết)* | **Nhận biết:** - Nêu được khái niệm về arene. **(HH1.1)****Thông hiểu:**– Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên của một số arene, đặc điểm liên kết và hình dạng phân tử benzene. **(HH1.2)**- Trình bày được tính chất hoá học đặc trưng của arene (hoặc qua mô tả thí nghiệm): Phản ứng thế của benzene và toluene, gồm phản ứng halogen hoá, nitro hoá (điều kiện phản ứng, quy tắc thế); Phản ứng cộng chlorine, hydrogen vào vòng benzene; Phản ứng oxi hoá hoàn toàn, oxi hoá nhóm alkyl. **(HH1.2)**– Trình bày được phương pháp điều chế arene trong công nghiệp (từ nguồn hydrocarbon thiên nhiên, từ phản ứng reforming). **(HH1.2)****Vận dụng:**- Thực hiện được (hoặc quan sát qua video hoặc qua mô tả) thí nghiệm nitro hoá benzene, cộng chlorine vào benzene, oxi hoá benzene và toluene bằng dung dịch KMnO4; mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hoá học của arene. **(HH2.2)** | 3C9,10[B],C11[VD] |  | 1C3[B] | *2**C1a[H]**C2[VD]* |
|  | **Chương 5. Dẫn xuất Halogen – Alcohol - Phenol****(6 tiết)** | *1.* Dẫn xuất Halogen *(2 tiết)* | **Nhận biết:**– Nêu được khái niệm dẫn xuất halogen **(HH1.1)**– Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí của một số dẫn xuất halogen. **(HH1.1)****Thông hiểu:**– Trình bày được tính chất hoá học cơ bản của dẫn xuất halogen: Phản ứng thế nguyên tử halogen (với OH–); Phản ứng tách hydrogen halide theo quy tắc Zaisev. **(HH1.2)**– Trình bày được ứng dụng của các dẫn xuất halogen **(HH1.2)**– Trình bày được tác hại của việc sử dụng các hợp chất chlorofluorocarbon (CFC) trong công nghệ làm lạnh. **(HH1.2)****Vận dụng:**– Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm thuỷ phân ethyl bromide (hoặc ethyl chloride); mô tả được các hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hoá học của dẫn xuất halogen. **(HH2.4)** | 1C12[B] | C1(4)a,b [B] c[H]d[VD] |  | *1**C1b[H]* |
|  |  | *2.* Alcohol *(4 tiết)* | **Nhận biết:**- Nêu được khái niệm alcohol **(HH1.1)**- Nêu được công thức tổng quát của alcohol no, đơn chức, mạch hở **(HH1.1)**- Nêu được khái niệm về bậc của alcohol **(HH1.1)****Thông hiểu:**- Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lí của alcohol (trạng thái, xu hướng của nhiệt độ sôi, độ tan trong nước), **(HH1.2)**-Trình bày được tính chất hoá học của alcohol: Phản ứng thế nguyên tử H của nhóm –OH (phản ứng chung của R–OH, phản ứng riêng của polyalcohol); Phản ứng tạo thành alkene hoặc ether; Phản ứng oxi hoá alcohol bậc I, bậc II thành aldehyde, ketone bằng CuO; Phản ứng đốt cháy. **(HH1.2)**- Trình bày được ứng dụng của alcohol, tác hại của việc lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn; **(HH1.2)**- Trình bày được phương pháp điều chế ethanol bằng phương pháp hydrate hoá ethylene, lên men tinh bột; điều chế glycerol từ propylene. **(HH1.2)****Vận dụng:**– Viết được công thức cấu tạo, gọi được tên theo danh pháp thay thế một số alcohol đơn giản (C1 – C5), tên thông thường một vài alcohol thường gặp. **(HH1.3)**– Nêu được thái độ, cách ứng xử của cá nhân với việc bảo vệ sức khoẻ bản thân, gia đình và cộng đồng liên quan đến việc sử dụng rượu, bia và đồ uống có cồn. **(HH1.1)** | 2C5[B],C7[H] | C2(4)a,c[B]b[H]d[VD] | 1C4[B] | *1**C3[VD]* |
| **Tổng số ý hỏi** | **12** | ***8*** | ***4*** | **6** |
| **Tỉ lệ % các mức độ nhận thức : Biết : Hiểu : Vận dụng: 4-3-3** | **40%** | **26,67%** | **13,33%** | **20%** |

 **TTCM Tổ KHTN**